TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 07**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2021
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhạc;

2. Bà Nguyễn Thị Tố Linh;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Bùi Thị Thu B, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 680 Cách Mạng Tháng 8, thị trấn Tân Nghĩa, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn:

Ông Phan Văn T (Phan Tan Van), sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ. Số hộ chiếu: 505337332 do Hoa Kỳ cấp ngày 09/5/2013.

Địa chỉ: số 10406 NE 45 th Ave Vancouver, WA 98686, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Thị Thu B và ông Phan Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 quyển số 01 ngày 15/5/2009 tại Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian ngắn thì ông Phan Văn T trở về Hoa Kỳ sinh sống. Thời gian đầu bà Bùi Thị Thu B và ông Phan Văn T còn liên lạc với nhau nhưng thời gian sau đó thì hai bên thường xuyên cãi nhau, không thể hàn gắn. Do khoảng cách địa lý, hai người không ở gần nhau nên tình cảm phai nhạt. Đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà Bùi Thị Thu B yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Thu B và ông Phan Văn T không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Ông Phan Văn T đăng ký kết hôn với bà Bùi Thị Thu B vào năm 2009 như bà Bùi Thị Thu B trình bày. Vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Phan Văn T muốn được ly hôn với bà Bùi Thị Thu B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Văn T và bà Bùi Thị Thu B không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Bùi Thị Thu B yêu cầu ly hôn ông Phan Văn T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt: Ông Phan Văn T và bà Bùi Thị Thu B có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Bà Bùi Thị Thu B và ông Phan Văn T sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 ngày 15/5/2009 tại Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Bùi Thị Thu B và ông Phan Văn T kết hôn tự nguyện nhưng hai bên chỉ chung sống thời gian ngắn. Từ năm 2010 đến nay, bà Bùi Thị Thu B và ông Phan Văn T không còn thường xuyên liên lạc với nhau, không chia sẻ trong cuộc sống; do khoảng cách về địa lý nên cuộc sống chung vợ chồng giữa bà Bùi Thị Thu B và ông Phan Văn T đã không còn tồn tại, hai bên không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Vì vậy, mục đích kết hôn để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Đến nay, bà Bùi Thị Thu B yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, hai đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4] Về án phí: Bà Bùi Thị Thu B phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Bùi Thị Thu B được ly hôn với ông Phan Văn T(Phan Tan Van).

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị Thu B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008976 ngày 03/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Bùi Thị Thu B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục T.H.A.D.S tỉnh Bình Thuận;
- UBND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Đức Hùng